Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Triệu Sơn
Email: trieuson@thanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thanh Hóa
Thời gian ký: 03.02.2020 09:40:24 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 157 /UBND-NV V/v triển khai thực hiện Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố.	*Triệu Sơn, ngày 03 tháng 02 năm 2020*

Kính gửi: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; Công văn số 96/SNV-XDCQ&CTTN ngày 20/01/2020 của Sở Nội vụ về việc triển khai thực hiện Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố; UBND huyện Triệu Sơn hướng dẫn UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện phân loại thôn, tổ dân phố, cụ thể như sau:

I. Khung điểm phân loại thôn, tổ dân phố:

Phân loại thôn, tổ dân phố theo tổng số điểm đạt được của các tiêu chí phân loại. Tổng số điểm phân loại tối đa là 100 điểm, trong đó:

1. Thôn, tổ dân phố loại 1: Đạt trên 75 điểm.

2. Thôn, tổ dân phố loại 2: Đạt trên 50 điểm đến 75 điểm.

3. Thôn, tổ dân phố loại 3: Đạt từ 50 điểm trở xuống.

II. Tiêu chí và cách tính điểm phân loại thôn, tổ dân phố

1. *Đối với thôn:*

1.1. Tiêu chí quy mô số hộ gia đình: Tối đa 60 điểm.

a, Thôn ở khu vực đồng bằng có từ 200 hộ trở xuống được tính 30 điểm; trường hợp trên 200 hộ, cứ tăng thêm 10 hộ thì được tính thêm 06 điểm, nhưng tối đa không quá 60 điểm.

b, Thôn ở khu vực miền núi có từ 100 hộ trở xuống được tính 30 điểm; trường hợp trên 100 hộ, cứ tăng thêm 10 hộ thì được tính thêm 06 điểm, nhưng tối đa không quá 60 điểm.

1.2. Tiêu chí diện tích: Tối đa 25 điểm.

a, Thôn ở khu vực đồng bằng có diện tích từ 50 ha trở xuống được tính 15 điểm; trường hợp trên 50 ha, cứ tăng thêm 10 ha thì được tính thêm 01 điểm, nhưng tối đa không quá 25 điểm.

b, Thôn ở khu vực miền núi có từ 150 ha trở xuống được tính 15 điểm; trường hợp trên 150 ha, cứ tăng thêm 30 ha thì được tính thêm 01 điểm, nhưng tối đa không quá 25 điểm.

1.3. Tiêu chí đặc thù: Tối đa 15 điểm.

a, Thôn ở khu vực đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư chương trình 135; thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển được tính 05 điểm.

b, Thôn thuộc xã có đường biên giới đất liền; thuộc xã có đường biên giới biển; thuộc xã an toàn khu được tính 05 điểm.

c, Thôn thuộc xã khu vực I miền núi được tính 01 điểm; thuộc xã khu vực II miền núi được tính 03 điểm; thuộc xã khu vực III miền núi được tính 05 điểm.

2. Đối với tổ dân phố của các thị trấn

2.1. Tiêu chí quy mô số hộ gia đình: Tối đa 85 điểm

Tổ dân phố có từ 250 hộ trở xuống được tính 50 điểm; trường hợp trên 250 hộ, cứ tăng thêm 10 hộ thì được tính thêm 05 điểm, nhưng tối đa không quá 85 điểm.

2.2. Tiêu chí đặc thù: Tối đa 15 điểm

a, Tổ dân phố thuộc thị trấn có đường biên giới biển; thuộc thị trấn an toàn khu được tính 05 điểm.

b, Tổ dân phố thuộc thị trấn khu vực I miền núi được tính 01 điểm; thuộc thị trấn khu vực II miền núi được tính 03 điểm; thuộc thị trấn khu vực III miền núi được tính 05 điểm.

c, Tổ dân phố thuộc thị trấn được tính 03 điểm, thuộc phường tính 05 điểm.

III. Phương pháp xác định các tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố

1. Tiêu chí quy mô số hộ (hộ):

Quy mô số hộ của thôn, tổ dân phố xác định theo tổng số hộ gia đình đăng ký thường trú ở thôn, tổ dân phố tại thời điểm tổng hợp báo cáo.

2. Tiêu chí diện tích (ha):

Diện tích của thôn, tổ dân phố xác định theo tổng diện tích của các hộ gia đình, cá nhân đăng ký thường trú ở thôn, tổ dân phố đang sử dụng (đất ở, đất canh tác, sản xuất nông nghiệp; đất lâm nghiệp, đất sản xuất kinh doanh dịch vụ, ...) và diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng của thôn, tổ dân phố (đất có di tích lịch sử- văn hóa, đất danh lam thắng cảnh, đất sinh hoạt cộng đồng, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, ...).

Ngoài ra có thể sử dụng số liệu diện tích thôn, tổ dân phố đã báo cáo trong thời gian qua nhưng tổng diện tích của các thôn, tổ dân phố không được vượt quá tổng diện tích tự nhiên của xã, thị trấn.

3. Các tiêu chí đặc thù:

- Thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư chương trình 135 xác định theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng chính phủ; thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển xác định theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn khu vực I, khu vực II, khu vực III miền núi xác định theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn có đường biên giới đất liên, biên giới biển xác định theo Phụ lục Danh sách xã, thị trấn thuộc khu vực biên giới đất liền, biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 và Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ.

- Thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn an toàn khu xác định theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với các thôn, tổ dân phố mới hình thành do sáp nhập thì áp dụng tiêu chí đặc thù cao nhất của thôn, tổ dân phố trước khi sáp nhập để tính điểm phân loại. Đối với thôn, tổ dân phố thuộc các xã, thị trấn thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì áp dụng chính sách đặc thù cao nhất của các đơn vị hành chính trước khi sắp xếp để xác định tiêu chí phân loại.

IV. Hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố:

1. *Hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố gồm:*

1.1. Văn bản của UBND cấp xã gửi UBND cấp huyện;

1.2. Bảng thống kê, tổng hợp các tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố (theo Mẫu số 01 gửi kèm).

2. *Thời gian nộp hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố:*

UBND các xã, thị trấn gửi 02 bộ hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố về UBND huyện (*qua phòng Nội vụ*) trước ngày ***13/02/2020*** để tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phân loại thôn, tổ dân phố theo quy định.

Yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

UBND XÃ.....

Mẫu số 01

THỐNG KÊ, TỔNG HỢP

Các tiêu chí phân loại thôn (tổ dân phố) thuộc xã (thị trấn).....

(Kèm theo Văn bản số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND xã (thị trấn).....)

TT	Thôn, tổ dân phố	Quy mô dân số	Diện tích	Các yếu tố đặc thù					Điểm của các tiêu chí							Tổng điểm	Kết quả tự phân loại
											Các yếu tố đặc thù						
				Khu vực ĐBKK	Khu vực biên giới	Thuộc xã, phường thị trấn an toàn khu	Khu vực I, II, III miền núi	...	Quy mô dân số	Diện tích	Khu vực ĐBKK	Khu vực biên giới	Thuộc xã, phường thị trấn an toàn khu	Khu vực I, II, III miền núi	...		

Tổng số thôn (tổ dân phố):.....; trong đó:

+ Loại 1:..... Thôn (tổ dân phố)
+ Loại 2:..... Thôn (tổ dân phố)
+ Loại 3:..... Thôn (tổ dân phố)

NGƯỜI LẬP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH